

MẠNG LƯỚI XÃ HỘI CỦA NGƯỜI TÀY, NÙNG Ở XÃ BẢO LÂM, HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN TRONG CHUYỂN ĐỔI SINH KẾ

Đặng Minh Ngọc

Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Mạng lưới xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người dân tìm kiếm việc làm và phát triển trồng trọt, chăn nuôi. Qua nghiên cứu ở xã Bảo Lâm huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bài viết trình bày về mạng lưới xã hội trong chuyển đổi sinh kế của người Tày, Nùng khi họ ở nội biên và khi họ đi lao động di cư xuyên biên giới. Vai trò của mạng lưới xã hội trong từng hoàn cảnh sẽ cho thấy khả năng chuyển đổi sinh kế của người dân. Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ đặc trưng của mạng lưới xã hội trong chuyển đổi sinh kế của người Tày, Nùng ở một xã vùng biên.

Từ khóa: Mạng lưới xã hội, chuyển đổi sinh kế, người Tày, người Nùng.

Nhận bài ngày 10.7.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 22.8.2023

Liên hệ tác giả: Đặng Minh Ngọc; Email: dmngoc@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Trong một nghiên cứu của mình về “mạng lưới xã hội”, tác giả Đặng Nguyên Anh cho rằng khái niệm “mạng lưới xã hội” là một tập hợp liên kết giữa các cá nhân hay giữa các nhóm dân cư nhất định. Thông qua sự tiềm ẩn trong những mối quan hệ, cũng như quyền lợi và trách nhiệm chi phối các mối liên hệ đó, mạng lưới xã hội được sử dụng nhằm đạt được những mục đích nhất định (Đặng Nguyên Anh, 1998, tr 16-24). Còn theo tác giả Vương Xuân Tình thì “Mạng lưới xã hội là cấu trúc xã hội do cá nhân hay tổ chức tạo lập qua các điểm nút được gắn bó bằng một hay nhiều kiểu phụ thuộc lẫn nhau như bạn bè, họ hàng, mối quan tâm chung trao đổi về tài chính cũng như sự ghét bỏ, quan hệ giới hoặc các mối quan hệ về niềm tin, tri thức hay uy tín” (Vương Xuân Tình, 2019). Ngay cả trong bối cảnh khoa học công nghệ thông tin và truyền thông phát triển mạnh mẽ toàn cầu, mạng lưới xã hội vẫn tồn tại và có ý nghĩa quan trọng, bởi không phải máy móc mà chính con người liên kết với nhau thành mạng lưới thông qua các phương tiện công nghệ hiện đại (Lê Ngọc Hùng, 2003).

2. NỘI DUNG

2.1. Địa điểm nghiên cứu

Lạng Sơn là một tỉnh miền núi vùng Đông Bắc, có tổng diện tích 8.310 Km², phía Bắc giáp tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), phía nam giáp tỉnh Bắc Giang, phía Đông nam giáp tỉnh Quảng Ninh, phía tây giáp tỉnh Bắc Kan, phía tây nam giáp tỉnh Thái Nguyên. Trên tuyến biên giới dài 232Km với Trung Quốc (Vũ Dương Ninh chủ biên, 2010), Lạng Sơn có 2 cửa khẩu quốc tế là cửa ga đường sắt Đồng Đăng và cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị; 7 cặp chợ biên giới với rất nhiều đường mòn, lối mở. Với vị trí đặc thù, nên suốt chiều dài lịch sử hàng nghìn năm giữ nước, Lạng Sơn luôn là tuyến đầu, là phen đầu của Tổ quốc, ở đó luôn tồn tại những mối quan hệ giao lưu qua lại về tất cả các mặt, từ kinh tế đến văn hóa, xã hội (Hoàng Lê Thảo, Lý Viết Tường, 2020)

Từ năm 1991, Chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc bắt đầu triển khai những chính sách mở cửa biên giới, bình thường hóa việc xuất nhập cảnh, đồng thời khuyến khích hoạt động trao đổi văn hóa và du lịch giữa nhân dân hai nước. Do đó quan hệ giao lưu và trao đổi giữa cư dân hai nước mà trực tiếp là người dân khu vực biên giới đã có điều kiện phát triển rất sôi động, hình thức đa dạng, từ giao lưu của cá nhân đến cách hoạt động ở cấp nhà nước (Lâm Bá Nam 2016).

Bảo Lâm là xã biên giới của huyện Cao Lộc, có tuyến đường tỉnh lộ 746 chạy qua, về phía Tây Bắc nối với quốc lộ 1 và phía Đông Bắc tới cửa khẩu Pò Nhùn thông thương sang cửa khẩu Dầu Ái thuộc trấn Thượng Thạch, thị xã Bằng Tường, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Tổng diện tích tự nhiên của xã Bảo Lâm là 4.058,63 ha, trong đó: đất nông nghiệp 433,19 ha, đất lâm nghiệp 3.415,92, đất nuôi trồng thủy sản 42,63 ha đất chuyên dụng 89,58 ha, đất ở 14 ha. Dân số của xã tính đến thời điểm tháng 11/2021 là 3.199 người, trong đó 93,45% dân số là người Tày và người Nùng (Tày 1.155 người, Nùng 1.963 người). Mật độ dân số là 76 người/ Km². Hoạt động kinh tế chính cư của dân trong xã là canh tác nông nghiệp kết hợp lao động làm thuê vào thời điểm nông nhàn tại cửa khẩu ở phía Việt nam hoặc sang Trung Quốc. Người Tày, người Nùng sinh sống trong 9 thôn/ bản, trong đó thôn Pò Nhùn là thôn giáp với cửa khẩu Dầu Ái, Trung Quốc. Ngoài sản xuất nông nghiệp tại địa phương, người Tày thường sang Trung Quốc làm thuê tại các trang trại trồng mía, chuối. Người Nùng có nhiều kinh nghiệm trong thu hoạch và bảo quản các sản phẩm nông nghiệp nên các chủ trang trại ở Trung Quốc thường thuê người Nùng gặt, phơi và đóng bao thóc sau khi thu hoạch. Năm 2014, cửa khẩu Pò Nhùn chính thức đi vào hoạt động với các hoạt động thương mại và vận chuyển hàng hóa rất nhộn nhịp đã thu hút các tộc người tham gia bốc dỡ và vận chuyển hàng hóa tại đây (Tạ Thị Tâm 2022, tr 59)

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc người Tày, người Nùng vùng biên giới sang Trung Quốc làm thuê. Trước hết, do lực hút từ các tỉnh phía Nam Trung Quốc, nơi kinh tế được tạo điều kiện phát triển, hình thành nhiều khu công nghiệp tiêu thụ nông sản. Tỉnh Quảng Tây có diện tích trồng mía khoảng 1 triệu ha (chiếm 28% diện tích đất nông nghiệp của tỉnh), với năng suất bình quân khoảng 80 tấn/ ha, sản lượng mía khoảng 80 triệu tấn, sản lượng đường khoảng 10 triệu tấn, chiếm 70% sản lượng đường Trung Quốc (Dương Đình Tường 2009). Đây là lực hút người Tày, Nùng ở vùng biên giới Việt nam sang làm thuê cho các trang trại mía ở phía Trung Quốc. Đại diện cán bộ xã Bảo Lâm cũng cho biết, nguyên nhân chính dẫn đến di cư lao

động xuyên biên giới là do thiếu đất sản xuất, thiếu việc làm và dư thừa lao động ở địa phương (Trương Văn Cường 2022, tr75). Với diện tích đất nông nghiệp bình quân là 0,13 ha/ người (433,19 ha/ 3199 người), lũ lụt, dịch bệnh, mất mùa xảy ra thường xuyên nên thu nhập của người dân không ổn định. Người Tày, Nùng ở độ tuổi trung niên thường có trình độ học vấn hạn chế và tay nghề chưa cao do đó họ khó có thể tìm được việc làm có thu nhập cao và ổn định ở các khu công nghiệp trong nước. Vị trí địa lý của xã Bảo Lâm gần với đường biên giới với Trung Quốc nên người Tày và Nùng trong thôn có thể đi bộ từ 10-30 phút là đến cửa khẩu giáp với phía Trung Quốc cũng là trong những yếu tố thuận lợi giúp người dân đi lao động xuyên biên giới một cách dễ dàng. Có một số nghiên cứu của các nhà Dân tộc học đã chỉ ra rằng, các hình thức và hoạt động xuyên biên giới có vai trò quan trọng trong đời sống tộc người được duy trì và tiếp nối từ truyền thống đến ngày nay, chủ yếu là do mối quan hệ đồng tộc và những đặc điểm tương đồng về văn hóa và ngôn ngữ của cư dân ở hai bên biên giới (Lý Hành Sơn, 2014; Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh 2013).

Tất cả những yếu tố kể trên là những lợi thế giúp người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm có thể giao tiếp với người Trung Quốc và giúp họ tìm được việc làm một cách dễ dàng hơn các tộc người khác trong vùng. Do đó, lao động xuyên biên giới như là một giải pháp giúp người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm cải thiện thu nhập cho bản thân và cho gia đình. Đây cũng là mạng lưới xã hội giúp người dân mua các loại cây, con giống mới để phát triển trồng trọt và chăn nuôi. Ngoài ra, xã Bảo Lâm còn có cửa khẩu quốc gia và quốc tế với nhiều hoạt động vận chuyển hàng hóa đã giúp người dân trong xã có thu nhập từ việc bốc vác hàng hóa, mỗi hộ sẽ được cử một người tham gia đội bốc vác và làm việc cách nhật, mỗi ngày trung bình được khoảng 200.000 đồng/ngày/người tính trung bình mỗi người có thu nhập khoảng 3 triệu đồng/ tháng, đây là nguồn thu nhập ổn định của các hộ gia đình trong thôn để cải thiện cuộc sống.

Do di cư lao động sang Trung Quốc và có mối quan hệ đồng tộc trước đại dịch Co-vid nên có nhiều người dân trong xã Bảo Lâm đi lao động xuyên biên giới. Ở xã Bảo Lâm trước năm 2020 có 240 cư dân đi làm tại các xưởng tư nhân Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc). Nhóm người này tập trung ở nhóm tuổi từ 25-35 tuổi. Riêng thôn Pò Nhùng, năm 2018 có 17 trường hợp đi làm ở xưởng dệt may ở tỉnh Quảng Đông. Những trường hợp làm tốt, có kinh nghiệm, tay nghề được chủ doanh nghiệp giữ lại lâu dài, tăng lương và có thêm nhiều đãi ngộ như tặng quà dịp lễ tết, sắp xếp ở khu nhà có chất lượng tốt,... (Tạ Thị Tâm 2022, tr 65).

2.2. Mạng lưới xã hội của người Tày và Nùng ở xã Bảo Lâm

Mạng lưới xã hội của người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm được thiết lập dựa trên các quan hệ xã hội truyền thống như làng bản, dòng họ, gia đình, bạn bè, hàng xóm, người quen. Họ thường giúp đỡ nhau trong các hoạt động tín ngưỡng như ma chay, cưới xin, và các hoạt động thường ngày như sản xuất nông nghiệp, làm nhà.

Người Tày và Nùng ở xã Bảo Lâm cư trú theo lối mật tập, những điểm tụ cư thường có nhiều gia đình. Ở các thôn tiến hành nghiên cứu người Tày, Nùng vẫn tiến hành các nghi lễ cúng làng bản, thần đất, thần rừng theo từng thôn bản tạo thành liên kết, tương trợ khá bền chặt trong đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa. Mối quan hệ giữa người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm và người dân ở bên kia biên giới thông qua việc giao lưu văn hóa giữa hai xã hàng năm. Người

dân trong xã Bảo Lâm dễ tìm kiếm được việc làm ở bên kia biên giới hơn người dân ở các nơi khác do có mối quan hệ đồng tộc và những đặc điểm tương đồng về văn hóa và ngôn ngữ của cư dân ở hai bên biên giới và mối quan hệ tốt với các chủ trang trại ở bên kia biên giới. Trước khi có dịch Co-vid xảy ra, bên kia biên giới có một số gia đình làm đám cưới cũng mời một số người quen ở bên này sang ăn cưới hoặc trong thôn có gia đình làm đám cưới cũng mời người quen ở bên kia biên giới sang ăn cưới

2.3. Mạng lưới xã hội trong tìm kiếm việc làm

Mạng lưới xã hội có vai trò quan trọng, được coi là nhân tố quyết định đối với quá trình di cư nội địa và quốc tế (Đặng Nguyên Anh, 1998). Mạng lưới xã hội của người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm là cầu nối giúp cho họ tìm được công việc phù hợp với sức khỏe và tiết kiệm chi phí môi giới việc làm ở bên kia biên giới. Mỗi cá nhân đều có sự liên kết với các cá nhân khác hoặc nhóm khác bằng những hình thức khác nhau. Sau vụ thu hoạch, người dân rảnh rỗi, họ thường gọi điện thông qua Zalo, Facebook hoặc nhắn tin cho người quen đang làm thuê bên Trung Quốc hỏi có việc làm cho họ không, tiền lương và công việc có phù hợp với họ không. Rừng Bạch đàn, rừng Thông, rừng Hối của người dân bên kia biên giới Trung Quốc luôn cần phát quang trong khi đó, con cái họ thường đi vào thành phố làm ăn nên không có ai làm. Trong trường hợp cần người làm họ sẽ gọi điện thoại cho những người đã từng làm cho gia đình mình xem có muốn đi làm không. Sau đó người trong làng sẽ rủ thêm anh em, bạn bè cho đủ số người mà gia đình đó cần để sang bên kia biên giới làm cùng nhau. Ngoài ra, họ còn có một kênh tìm kiếm việc làm khác đó là trước khi có dịch Co-vid xảy ra, các xe chở hàng của Trung Quốc vẫn vào ra bãi bốc hàng của xã. Mỗi hộ dân trong xã được cử một người để tham gia vào đội bốc dỡ hàng. Có nhiều trường hợp gia đình hoặc bạn bè người thân của lái xe người Trung Quốc cần tìm người làm họ sẽ hỏi anh, chị em trong đội bốc dỡ hàng là *“mai nhà tôi cần 5 hoặc 10 người để đi thu hoạch mía, bạn có làm không. Mình thỏa thuận được tiền lương xong sẽ về gọi anh em, họ hàng đi làm cùng cho vui”* (PV nữ 40 tuổi). Ngày nay điện thoại thông minh, Facebook, Zalo, mạng lưới thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc tìm kiếm việc làm của người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm, chỉ cần một cuộc điện thoại qua mạng xã hội là họ có thông tin về việc làm ngay thay vì trước đây phải đợi tới phiên chợ hoặc đi thăm họ hàng, anh em mới có thông tin.

2.4. Mạng lưới xã hội trong lựa chọn công việc

Trước khi có dịch Co-vid xảy ra, sau khi thu hoạch xong vụ mùa của gia đình, người Tày và người Nùng ở xã Bảo Lâm có sức khỏe tốt và có thời gian, ít đất đai sẽ đi làm thuê ở bên Trung Quốc. Do thanh niên ở bên Trung Quốc đều đi đến các thành phố lớn để làm công nhân với thu nhập cao nên ở nhà chỉ có người già và trẻ em, thiếu người làm nông nghiệp. Họ thuê lao động Việt Nam sang làm vì giá rẻ bằng $\frac{1}{2}$ tiền công thuê lao động Trung Quốc. Do đó người Tày và Nùng ở xã Bảo Lâm có thể tìm được việc làm liên quan tới nông nghiệp tương đối dễ dàng ở bên Trung Quốc.

Tuy nhiên, để tìm được công việc phù hợp với từng người với thu nhập và được đối xử tốt thì lại phụ thuộc nhiều vào mạng lưới xã hội của cá nhân và của gia đình. *“Minh đi chặt mía, chăm sóc rừng Bạch đàn, rừng Hôi được chủ nhà bên kia biên giới đối xử cũng tốt, trả lương đầy đủ, bên nhà họ có đám cưới cũng mời bên này hoặc bên này có nhà có đám cưới cũng mời họ sang ăn cưới”.* (PV nữ 50 tuổi)

Kết quả phỏng vấn cho thấy thanh niên thích đi vào làm việc ở sâu trong nội địa vì lương cao hơn. *“Năm 2016, 2017, Lúc đó em vừa học xong lớp 12, em thấy các anh trong làng chuẩn bị đi làm việc bên Quảng Đông, Trung Quốc nên em xin đi cùng”* (PV nam giới 24 tuổi).

Mạng lưới xã hội của người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm được hình thành từ những mối quan hệ truyền thống như quan hệ anh em, họ hàng, làng xóm. Mạng lưới này giúp họ nhanh chóng tìm được công việc phù hợp và tránh được rủi ro dựa trên niềm tin vào anh em, họ hàng, làng xóm.

2.5. Mạng lưới xã hội trong trồng trọt và chăn nuôi

Dân tộc Tày và Nùng ở xã Bảo Lâm hiện nay có 775 hộ với 3401 người. Diện tích đất nông nghiệp là đất nông nghiệp 433,19 ha ha, tính trung bình chỉ khoảng (433,19 ha/3199 người) 0,13ha/ người. Diện tích canh tác nông nghiệp của người Tày và Nùng ở xã Bảo Lâm còn hạn chế nên họ đã tận dụng các mạng lưới xã hội hiện đại và truyền thống để đổi mới cây trồng và vật nuôi theo các hình thức khác nhau. Do đó, mạng lưới xã hội là một trong số những điều kiện quan trọng để phát triển trồng trọt và chăn nuôi của người Tày và Nùng ở xã Bảo Lâm.

Qua khảo sát tại xã Bảo Lâm cho thấy người Tày và Nùng ở đây vẫn sản xuất nông nghiệp bằng cách kết hợp trồng trọt và chăn nuôi, trong đó trồng trọt đóng vai trò chính. Diện tích đất nông nghiệp 433,19 ha. Do sinh sống trong xã từ lâu đời nên người Tày và Nùng ở đây chủ yếu làm ruộng nước, trồng ngô, trồng cây ăn trái, tuy nhiên nhờ vào mạng lưới xã hội phát triển, người Tày và Nùng ở trong xã Bảo Lâm đã chuyển đổi một số cây lâm nghiệp mới mang lại thu nhập cho người dân như Bạch đàn cao sản Trung Quốc, Sỡ, Hôi, Thông.

Đối với người nông dân lấy trồng trọt là hoạt động sinh kế chính thì họ luôn chuẩn bị trước các loại hạt và giống cây trồng. Để đảm bảo đủ giống cây trồng trong năm của gia đình, họ vẫn duy trì tập quán tự bảo quản giống. Nếu trong trường hợp không có đủ giống cây trồng thì họ sẽ vay của anh em ruột, họ hàng, hàng xóm hoặc đi mua ở các tộc người khác. Đây là mạng lưới xã hội rất quan trọng nên vẫn được người Tày và Nùng ở xã Bảo Lâm duy trì. Nhờ có mạng lưới này mà người Tày và Nùng ở trong thôn vẫn duy trì được việc trồng một số loại cây đã có từ rất lâu trong xã. Từ kết quả thảo luận cho thấy người Tày và Nùng trong xã trước đây tìm kiếm được một loại cây trồng mới đều thông qua những chuyến đi thăm anh em, họ hàng hoặc tình cờ gặp giống cây đó mua về trồng thử. Mạng lưới này thể hiện rõ nét trong các chuyến đi sang Trung Quốc làm thuê họ để ý thấy một loại cây như Bạch đàn cao sản hay Hôi giống mới mang lại hiệu quả kinh tế cao họ sẽ mua một ít cây giống về trồng thử. Đối với một số loại giống mới được gieo trồng như lúa ruộng giống mới, ngô lai cho năng suất cao và thời gian gieo trồng ngắn ngày thì người Tày và Nùng được tiếp cận và áp dụng thông qua một mạng lưới xã hội mới. Đó là họ nắm thông tin qua các chương trình trên ti vi, đài, báo của nhà nước, các chương trình khuyến nông của tỉnh, huyện, xã, anh em, bạn bè, người thân hoặc các chương

trình phát triển vùng dân tộc và miền núi của Nhà nước do chính quyền địa phương trực tiếp giới thiệu thông qua lãnh đạo thôn bản.

Đối với những cây không thuộc chương trình của nhà nước cấp thì người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm sẽ lấy giống cây về trồng bằng cách tìm hiểu thông tin thông qua bạn bè, người thân hoặc người ở nơi khác. Chẳng hạn như trường hợp người Tày, Nùng ở các thôn Kon Kéo, Kon Háng khi đi sang Trung Quốc làm thuê thấy người dân bên đó trồng Keo Lai, Hôi, Sờ, Xoan, Đào của Trung Quốc mang lại hiệu quả kinh tế cao nên một số hộ gia đình đã cùng nhau hùn tiền mua cây giống về để trồng trong vườn rừng của hộ gia đình.

Có thể thấy việc phát triển những cây trồng giống mới ở người Tày và Nùng ở xã Bảo Lâm diễn ra tự phát, tăng giảm diện tích tùy thuộc vào từng hộ gia đình. Đa số các hộ gia đình trong xã có rừng đều trồng nhiều loại cây như Hôi, sờ, Thông, Bạch đàn cao sản. Theo người dân nơi đây cho biết họ đa dạng hóa các loại cây rừng là do giá nông sản bấp bênh. Ví dụ như Hôi có lúc 25.000 đồng/kg, có lúc lên 80.000 đồng/kg, vào thời điểm tháng 11 năm 2021 giá Hôi loại 1 là 150.000 đồng/kg và loại II giá là 120.000 đồng/kg hoặc như nhựa Thông có lúc chỉ 20.000 đồng/kg, có lúc lên 80.000 đồng/kg. Ngoài ra, đồng bào còn học được kinh nghiệm ứng phó với biến động của giá cả thị trường từ người thân, anh em, bạn bè đi làm thuê bên Trung Quốc. Việc đa dạng hóa các loại cây trồng giúp người dân vẫn có thu nhập trong trường hợp các loại lâm sản lên giá hoặc xuống giá.

Hiện nay nhiều cá nhân có điện thoại thông minh, vào vụ mùa thu hoạch các loại cây lâm sản người dân trong xã có thể thông báo cho nhau biết giá cả từng loại nông sản trên thị trường Việt Nam hoặc ở thị trường bên Trung Quốc để tránh bị tư thương ép giá.

Một vấn đề nữa là từ lâu, một số hộ gia đình người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm có tập quán thông qua họ hàng, bạn bè hoặc người quen đi làm thuê ở bên Trung Quốc để mua một số loại cây trồng. Những người quen, bạn bè đã từng đi làm thuê bên Trung Quốc nên đã học được cách thức chăm sóc các loại cây này tại các trang trại nơi họ làm. Ngoài ra, các giống cây này tuy sinh trưởng bên Trung Quốc nhưng không quá xa với địa bàn sinh sống của người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm và cách thức chăm sóc cũng không khác nhiều so với lối canh tác truyền thống của họ nên khi họ mua các giống cây này trồng và phát triển tốt đã mang lại thu nhập đáng kể. Ví dụ như trong những năm gần đây, một số gia đình người Tày, Nùng trong xã Bảo Lâm đi làm thuê trồng và chăm sóc cây Hôi giống mới cho một số trang trại ở bên Trung Quốc thấy loại cây này và cho thu hoạch trong 2-3 năm trong khi trồng cây Hôi giống cũ của Việt Nam phải sau 10 năm mới cho thu hoạch. Khi trở về Việt Nam họ đã đặt mua những cây Hôi giống mới ở bên Trung Quốc mang về trồng trên diện tích rừng của gia đình, sau 2-3 năm đã cho thu hoạch. Họ đã giới thiệu cho anh em, họ hàng, bạn bè cho xã Bảo Lâm trồng loại cây này dần thay thế những cây Hôi già không ra hoa.

Thực trạng trên cho thấy mạng lưới xã hội thông qua người quen, bạn bè cũng rất hiệu quả. Nó giúp người ta tìm kiếm được những giống cây trồng mới cho hiệu quả kinh tế cao và phù hợp với điều kiện tự nhiên và khí hậu của địa phương và cách thức chăm sóc những loại cây

trồng đó phù hợp với tập quán và kinh nghiệm gieo trồng của người Tày và người Nùng trong xã Bảo Lâm.

2.5. Mạng lưới xã hội trong hoạt động chăn nuôi

Việc chăn nuôi gia súc, gia cầm ở người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm phụ thuộc vào nhu cầu của từng gia đình. Tập quán chăn nuôi của họ là nửa chăm sóc, nửa thả rông nên đàn gia súc, gia cầm của gia đình phát triển tự nhiên. Trong trường hợp vật nuôi bị dịch bệnh chết hết, họ sẽ đi xin của anh em, bạn bè, mua ở chợ Việt nam hoặc mua ở chợ bên Trung Quốc. Do đó mạng lưới xã hội trong chăn nuôi của đồng bào trước đây chủ yếu dựa vào sự tương trợ kết hợp với mua bán trên thị trường. Gần đây khi thị trường phát triển thì mạng lưới xã hội về chăn nuôi của người Tày, Nùng xã Bảo Lâm cũng khá phát triển.

Từ năm 2014 khi cửa khẩu Pò Nhùng của xã chính thức đi vào hoạt động ở biên giới Việt Trung, sự gia tăng quan hệ xuyên biên giới trong mua bán, trao đổi giống cây trồng, vật nuôi để phát triển những cây con mang tính hàng hóa đã dần dần làm thay đổi tư duy sinh kế tự túc, tạo ra tư duy thay đổi giống cây trồng và vật nuôi.

Trước khi có dịch Co-vid xảy ra, có một số hộ dân trong xã thường nuôi lợn để bán xuất sang Trung Quốc. Họ dùng xe tải chở lợn đến sát cửa khẩu, sau đó mở cửa cho lợn tự chạy sang bên kia biên giới có người đón, mua và chở đi. Kể từ ngày có dịch Co-vid số hộ gia đình nuôi lợn giảm do dịch tả lợn châu phi lợn bị tiêu hủy nhiều, khí hậu thất thường nên vật nuôi thường bị chết. Đàn trâu, bò cũng giảm do người dân có thói quen chăn nuôi thả rông nhưng hiện nay rừng được giao về cho các hộ gia đình và hộ nào cũng rào và trông coi cẩn thận nên không còn bãi để thả rông trâu, bò. Khi đi sang Trung Quốc làm thuê người Tày, Nùng nhận thấy rằng giống Vịt, gà của Trung Quốc ít khi bị dịch chết, dễ nuôi và cho năng suất cao nên khi trở về Việt nam họ mang theo những con giống này về nuôi và phân phát cho anh em, họ hàng cùng nuôi để ăn vào dịp rằm tháng 7 và tết Nguyên Đán. Tuy nhiên, kể từ khi dịch Co-vid đến nay phía Trung Quốc đóng cửa biên giới, họ không đi làm thuê được nữa nên cũng không mua được giống gà, vịt của Trung Quốc về nuôi. Cả xã lại quay về nuôi giống gà, vịt truyền thống của người Tày, Nùng trong xã hoặc mua giống ở chợ.

2.6. Mạng lưới xã hội về vốn đầu tư

Trước đây sản xuất nông nghiệp của người Tày và Nùng trong xã chủ yếu đáp ứng nhu cầu lương thực của gia đình nên không cần nhiều vốn đầu tư. Trong thời gian gần đây khi các hộ gia đình phát triển cây lâm nghiệp như Hòai, Quế, Bạch đàn cao sản, Sổi, Thông thì các hộ cần vốn để đầu tư. Một trong những nguồn vốn đầu tư cho sản xuất lâm nghiệp được người dân tìm kiếm là nhà nước hỗ trợ cho vay vốn sản xuất thông qua ngân hàng.

Khi vay vốn ngân hàng người dân cần trả lãi và gốc đúng kỳ hạn. Để làm được điều này người Tày và Nùng trong cùng dòng họ có mạng lưới hỗ trợ nhau. Khi gia đình có việc nợ nần hay công việc quan trọng như ma chay, cưới xin hoặc cần tiền để trả nợ nhưng chưa có đủ tiền thì có thể đi mượn của anh em, họ hàng, làng xóm. Sau đó có thể bán gia súc, gia cầm hoặc đi làm thuê để trả nợ. *“Hai vợ chồng em lấy nhau xong đi làm thuê ở bên Trung Quốc, để dành được 500 triệu đồng để xây nhà. Nhà làm xong thiếu tiền xây nhà tắm và bếp phải vay thêm*

của anh em khoảng 50 triệu, hai vợ chồng dự định đi làm thuê tiếp bên Trung Quốc về để trả nợ nhưng lại xảy ra dịch Co-vid, không sang bên kia làm thuê được nên vẫn nợ anh em chưa trả nợ xong” (PV nữ 40 tuổi).

Trước khi dịch Co-vid xảy ra thì những người đi làm thuê bên Trung Quốc thường ở độ tuổi từ 18- 55 tuổi, có sức khỏe tốt, đất đai không nhiều, rảnh rỗi sau khi thu hoạch, có nhu cầu đi làm thuê để lấy tiền làm nhà, chi tiêu trong gia đình, cho con cái ăn học và tổ chức ma chay, cưới xin trong gia đình. Đây là mạng lưới xã hội quan trọng của người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm bởi thông qua anh em, họ hàng, làng xóm láng giềng, bạn bè ở bên này hoặc bên kia biên giới giúp họ có vốn đầu tư cho sản xuất.

3. KẾT LUẬN

Nhờ có chính sách dân tộc của Nhà nước cùng với các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc và miền núi. Người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm đã sử dụng mạng lưới xã hội như Zalo, Facebook để tiếp cận thông tin về việc làm xuyên biên giới, giúp họ có cơ hội tìm kiếm việc làm dễ dàng hơn và có thu nhập tốt hơn cũng như phát triển sản xuất nông nghiệp góp phần xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, có một số vấn đề cần quan tâm đó là: Mạng lưới xã hội liên quan tới sự phát triển cây có giá trị hàng hóa. Khi người dân trong bản đi làm thuê bên kia biên giới thấy người dân ở đó hay trong xã thấy một vài gia đình trồng một loại cây giống mới mang lại hiệu quả kinh tế cao thì các gia đình khác cũng đua nhau trồng để dẫn đến tình trạng đất bị bạc màu và bị tư thương ép giá. Đó là trường hợp người Tày, Nùng ở xã Bảo Lâm ở xã Bảo Lâm hiện nay đang phát triển ồ ạt cây Bạch Đàn cao sản có thể dẫn tới việc sau khi thu hoạch đất đai bị bạc màu không trồng được cây gì nữa. Thu nhập từ sản xuất nông nghiệp thấp hơn so với một số ngành phi nông nghiệp. Trước khi có dịch Co-vid xảy ra, trong xã có nhiều người đi làm thuê bên TQ do đó cần hỗ trợ người dân phát triển các loại cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao là thế mạnh của địa phương như cây Hòe, Thông, Sô để người dân có thu nhập cao tại quê hương của mình mà không cần đi làm thuê xuyên biên giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Chính (2021). *Di cư, đói nghèo và phát triển*. Nxb. Khoa học xã hội Hà Nội
2. Trương Văn Cường (2021). Vai trò mạng lưới xã hội trong lao động làm thuê xuyên biên giới của người Nùng ở Cao Bằng và Lạng Sơn. *Tạp chí Dân tộc học* số 4, tr 65-76.
3. Trương Văn Cường (2022). Một số tác động của di cư lao động sang Trung Quốc ở người Tày, Nùng ở Lạng Sơn, thực trạng và những vấn đề đặt ra. *Tạp chí Dân tộc học* số 4, tr 72- 83.
4. Bùi Xuân Đỉnh, Nguyễn Ngọc Thanh (2013). *Một số vấn đề về kinh tế- xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội.
5. Lý Hành Sơn (2014). Quan hệ xuyên biên giới trong hoạt động kinh tế ở một số tộc người vùng miền núi phía Bắc. *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr 25-37.

6. Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan (2017). *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam: Nghiên cứu tại vùng miền núi phía Bắc*. Nxb. Khoa học xã hội.
7. Tạ Thị Tâm (2022). Di cư lao động xuyên biên giới của người Tày, Nùng ở tỉnh Lạng Sơn: Thực trạng và những vấn đề đặt ra. *Tạp chí Dân tộc học*, số 4-2022, tr. 56-71.
8. Vũ Trường Giang (2018). *Di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam*. Nxb. Lý luận Chính trị.

SOCIAL NETWORK OF TAY AND NUNG PEOPLE IN BAO LAM COMMUNE, CAO LOC DISTRICT, LANG SON PROVINCE IN LIVELIHOOD TRANSFORMATION

Abstract: *Social networks play an important role in helping people find jobs and develop farming and animal husbandry. Through research in Bao Lam commune, Cao Loc district, Lang Son province, the article presents the social network in changing livelihoods of the Tay and Nung when they are in the interior and when they go to work as migrant workers across the border. The role of social networks in each situation will show the ability to transform people's livelihoods. The research results contribute to clarifying the characteristics of the social network in the livelihood transformation of the Tay and Nung people in a border commune.*

Keywords: *Social network, livelihood transformation, Tay, Nung people.*